TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 297/2023/QĐST- HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 28 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 492/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Huỳnh Nhật C, sinh năm: 1993; địa chỉ: Số 6, Tổ 8, đường Thái Phiên, phường L, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Tôn Nữ Diệu Tr, sinh năm: 1998; địa chỉ: Tổ dân phố Thái An, phường L, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà Tr kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đông. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc tại số 18, đường Nguyễn Hữu Cầu, Phường L, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là nhà của bố mẹ chồng được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Trên thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân mạnh ai nấy sống, không thăm hỏi gì với nhau, không có sự liên lạc nên đồng thuận ký đơn yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Nay cả hai vợ chồng xác định không còn tình cảm nhau và không thể tiếp tục chung sống vì mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Cả hai thỏa thuận giao cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Đông Q, sinh ngày 11/3/2021 cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Ông

C cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2023 cho tới khi con đủ tuổi thành niên.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai xác định không có.

[4] Về lệ phí: Ông Huỳnh Nhật C, bà Tôn Nữ Diệu Tr thỏa thuận chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Nhật C và bà Tôn Nữ Diệu Tr thỏa thuận thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Tôn Nữ Diệu Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Huỳnh Đông Q, sinh ngày 11/3/2021 cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Ông Huỳnh Nhật C cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2023 cho tới khi con đủ tuổi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về lệ phí Tòa án: Ông Huỳnh Nhật C, bà Tôn Nữ Diệu Tr thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0011979 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Ông C, bà Tr đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. *Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND phường L, thành phố Đ;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án; bộ phận lưu trữ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Vân Anh

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1] **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……../……/QĐST-HNGĐ[2]	*……., ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Căn cứ[3]……. Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ[4]…….. Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số…../…../TLST-HNGĐ[5] ngày ….tháng …..năm….. về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*[6].....

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*[7].....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[8]

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: .....

.....

- Về con chung: .....

.....

- Về tài sản chung: .....

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án: .....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].